

# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG.....	v
<b>Phần 1</b> .....	<b>1</b>
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng:.....	1
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững:.....	2
<b>Chương 1</b> .....	<b>4</b>
<b>CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN</b> .....	<b>4</b>
<b>I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC</b> .....	<b>4</b>
1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương:.....	4
2. Văn bản của địa phương:.....	5
<b>II. CAM KẾT QUỐC TẾ</b> .....	<b>6</b>
<b>III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG</b> .....	<b>7</b>
1. Các quyết định:.....	7
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề:.....	8
3. Các loại bản đồ:.....	8
<b>Chương 2</b> .....	<b>9</b>
<b>ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ</b> .....	<b>9</b>
<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>9</b>
<b>II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG</b> .....	<b>11</b>
1. Vị trí địa lý, địa hình:.....	11
2. Khí hậu:.....	12
3. Thủy văn:.....	13
4. Địa chất và thổ nhưỡng:.....	14
<b>III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI</b> .....	<b>14</b>
1. Dân số, dân tộc, lao động.....	14
2. Kinh tế.....	15
3. Xã hội:.....	15
<b>IV. GIAO THÔNG</b> .....	<b>17</b>

1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực: .....	17
2. Hệ thống giao thông đường thủy.....	17
<b>V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.....</b>	<b>17</b>
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng: .....	17
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường: .....	18
<b>VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>19</b>
1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất: .....	19
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất:.....	20
<b>VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG:.....</b>	<b>21</b>
1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng:.....	21
2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng:.....	21
<b>VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN .....</b>	<b>22</b>
1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm hiện có: .....	22
2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị: .....	23
3. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện:.....	24
<b>IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC .....</b>	<b>24</b>
1. Quản lý rừng tự nhiên .....	24
2. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng .....	25
3. Quản lý lâm sản ngoài gỗ .....	28
4. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học .....	28
5. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học .....	32
<b>IX-A. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG .....</b>	<b>35</b>
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt .....	35
2. Phân khu phục hồi sinh thái .....	36
3. Phân khu dịch vụ hành chính .....	36
<b>IX-D. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KẾ.....</b>	<b>39</b>
1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công .....	39
2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng .....	40
3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng .....	40

<b>Chương 3.....</b>	<b>41</b>
<b>MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN.....</b>	<b>41</b>
<b>I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG.....</b>	<b>41</b>
1. Mục tiêu chung.....	41
2. Mục tiêu cụ thể.....	41
<b>II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>42</b>
<b>III. ĐIỀU CHỈNH CÁC PHÂN KHU CHỨC NĂNG.....</b>	<b>43</b>
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: .....	43
2. Phân khu phục hồi sinh thái: .....	44
3. Phân khu dịch vụ hành chính: .....	46
<b>IV. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ.....</b>	<b>47</b>
1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng:.....	47
2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý.....	48
<b>V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC.....</b>	<b>48</b>
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học:.....	48
2. Kế hoạch phát triển rừng.....	51
3. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực.....	51
4. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí .....	52
5. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.....	59
6. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....	61
7. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng .....	61
8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng: .....	62
9. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng .....	63
<b>VI. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>64</b>
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững .....	64
2. Nguồn vốn đầu tư:.....	66
<b>VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:.....</b>	<b>69</b>
1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực .....	69
2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan .....	69
3. Giải pháp về khoa học, công nghệ .....	70

4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư .....	70
<b>VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN</b> .....	71
1. Hiệu quả về kinh tế.....	71
2. Hiệu quả về xã hội.....	71
3. Hiệu quả về môi trường.....	72
<b>Chương 4</b> .....	73
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	73
<b>I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ</b> .....	73
1. Xác định phương hướng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý: .....	73
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Ban quản lý: .....	74
<b>II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT</b> .....	81
1. Mục tiêu: .....	82
2. Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá .....	82
<b>III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	82

## DANH MỤC BẢNG

	<b>Trang</b>
Bảng 2.1: Hiện trạng các loại rừng và đất rừng theo đơn vị hành chính .....	20
Bảng 2.2: Hiện trạng, chất lượng các loại rừng .....	21
Bảng 2.3: Thống kê các hạng mục cơ sở vật chất.....	22
Bảng 2.4: Thống kê phương tiện, thiết bị .....	23
Bảng 2.5: Thống kê kết quả quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2020 .....	25
Bảng 2.6: Tổng hợp các vụ vi phạm giai đoạn 2016-2019 .....	33
Bảng 2.7: Thống kê diện tích các phân khu chức năng .....	35
Bảng 2.8: Thống kê nguồn thu hàng năm của Khu bảo tồn.....	40
Bảng 3.1: Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 .....	42
Bảng 3.2: Tổng hợp diện tích khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV1) .....	50
Bảng 3.3: Tổng hợp nhu cầu đào tạo .....	51
Bảng 3.4: Tổng hợp diện tích dự kiến bố trí các điểm du lịch.....	52
Bảng 3.5: Tổng hợp các hạng mục đầu tư xây dựng giai đoạn 2021-2030 .....	59
Bảng 3.6: Tổng hợp các hạng mục tổ chức tuyên truyền về Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng .....	62
Bảng 3.7: Tổng hợp các danh mục.....	63
Bảng 3.8: Tổng hợp vốn đầu tư .....	64
Bảng 3.9: Tổng hợp đầu tư theo nguồn.....	66

# Phần 1

## MỞ ĐẦU

### 1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng:

Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng được thành lập theo Quyết định số 28/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 3 năm 2004 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai với tổng diện tích rừng tự nhiên là 15.900 ha, nằm trọn trong xã Sơn Lang huyện K'Bang tỉnh Gia Lai. Đến ngày 23 tháng 3 năm 2009 UBND tỉnh Gia Lai ra Quyết định số 102/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng từ trực thuộc Chi cục Kiểm lâm sang thành Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Rừng trong Khu bảo tồn chủ yếu là rừng kín lá rộng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp, đặc biệt có thảm thực vật rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới núi thấp, độc đáo, với ưu hợp hỗn giao giữa Hoàng Đàn giả, Thông nạng + Hoa Khê, các loài cây lá rộng khác. Đây là một trong những hệ sinh thái rừng hiếm hoi của Tây Nguyên và trên cả nước, hệ sinh thái rừng của Khu bảo tồn chứa đựng quần thể nhiều loài động, thực vật đặc hữu và quý hiếm, đang có nguy cơ tuyệt chủng. Về thực vật có các loài như: Thông nạng (*Podocarpus imbricatus*), Giỏi (*Talauma*), Lát (*Chukrasia tabularis*), Kim giao (*Nageia fleuryi*), Xoay (*Dialium cochinchinensis*), Trắc (*Dalbergia cochinchinensis*),... Các loài cây dược liệu quý như Hoàng Đăng, Bách bệnh... Về động vật có các loài như: Mang lớn (*Megamuntacus vuquangensis*), Vượn má hung (*Hylobates gabrielliea*), Vọc vá chân xám (*Pygathris nemaeus*) và các loài chim của vùng đặc hữu cao nguyên Kon Tum.

Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng nằm ở đầu nguồn các sông suối lớn và đổ về sông Kôn, nên còn có chức năng phòng hộ đầu nguồn cho sông Kôn, góp phần cung cấp và điều tiết nguồn nước cho 4 nhà máy thủy điện ở hạ lưu sông Kôn và phát triển bền vững cho khu vực.

Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Bảo tồn và phát triển tài nguyên đa dạng sinh học, các hệ sinh thái, địa chất, cảnh quan, các loài động thực vật quý hiếm hiện có trong Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng.

- Sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học bằng việc tổ chức tốt công tác nghiên cứu khoa học, phát triển du lịch sinh thái nhằm ổn định và từng bước nâng

cao nhận thức về bảo tồn và đời sống kinh tế xã hội cho nhân dân địa phương, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững trong khu vực.

- Nâng cao khả năng phòng hộ, đảm bảo an ninh môi trường sinh thái, góp phần ổn định sản xuất, nâng cao đời sống cho người dân vùng hạ lưu.

## **2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững:**

Tổng hợp kết quả điều tra đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng đến tháng 9 năm 2022 đã thống kê được trong Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng có tổng số 883 loài và dưới loài của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch; 508 loài động vật hoang dã có sương sống; 211 loài côn trùng; 66 loài vi nấm.

Những nghiên cứu về đa dạng sinh học gần đây đã khẳng định: Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng còn chứa đựng nhiều giá trị về đa dạng sinh học vẫn chưa được phát hiện, đây là tiềm năng to lớn cho công tác nghiên cứu khoa học trong những năm tới.

Với một tiềm năng to lớn về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Đây sẽ là tài nguyên quý giá trong thời gian tới của Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng khi mà nhu cầu của xã hội đối với loại hình du lịch này ngày càng phát triển.

Thực hiện Luật Lâm nghiệp được Quốc hội ban hành ngày 15/11/2017 yêu cầu “Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững”. Do vậy, quản lý rừng bền vững đã trở thành một nguyên tắc, nhiệm vụ bắt buộc đối với quản lý, bảo tồn, bảo vệ và phát triển rừng. Quản lý rừng bền vững là xu hướng tất yếu của ngành lâm nghiệp thế giới nói chung và của mỗi quốc gia nói riêng.

Thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án quản lý rừng và chứng chỉ rừng và Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt ban hành kế hoạch thực hiện đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về quản lý rừng bền vững. Theo đó, Phương án Quản lý rừng bền vững có thời gian thực hiện tối đa 10 năm với các nội dung: Đánh giá hiện trạng rừng, quản lý rừng và sử dụng đất; xác định các mục tiêu quản lý rừng và hệ sinh thái bền vững; xác định các nội dung hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng, đất rừng và hệ sinh thái; xác định các giải pháp thực hiện Phương án, gồm giải pháp về vốn đầu tư (vốn

ngân sách Nhà nước, tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế,...).

Về khách quan, xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững là thực hiện chỉ đạo của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng trong giai đoạn hiện nay. Về chủ quan, đơn vị xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững nhằm xác định các biện pháp cơ bản trong quản lý phát triển tài nguyên rừng bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng rừng, thu hút nguồn lực, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, góp phần xoá đói giảm nghèo, thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, ổn định, từng bước nâng cao đời sống cho nhân dân trong vùng.

# **Chương 1**

## **CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

### **I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC**

#### **1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương:**

Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;

Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững;

Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;

Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra quy hoạch rừng.

## **2. Văn bản của địa phương:**

Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030 tỉnh Gia Lai;

Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030 tỉnh Gia Lai;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 2926/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Gia Lai về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về Đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt công trình xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;